

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày: 06-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thọ và bà Nguyễn Thị Tơ;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Cường-Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H. xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 31/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 05/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/HSST-QĐ ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bị cáo:

ĐỖ THỊ N, (*Tên gọi khác: không*), sinh năm 1996 tại Bình Thuận;

HKTT: Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đỗ Văn L và bà Trần Thị R;

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con lớn nhất;

Chồng: Lê Trung H; có 02 con, lớn nhất sinh năm: 2016, nhỏ nhất sinh năm: 2018.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2022 đến ngày 11/3/2022. Hiện đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Nguyễn Thị T, sinh năm: 1986 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 29B Khu tập thể L, huyện T, Tp. H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Trung H, sinh năm: 1984
(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị T là nhân viên kế toán của Công ty TNHH Kinh doanh R (trụ sở tại phường Y, quận H, thành phố H). Quá trình kinh doanh, thỉnh thoảng Công ty TNHH Kinh doanh R có giao dịch mua hàng trái cây thanh long của vợ chồng Đỗ Thị N và Lê Trung H (trú tại xã S, huyện H, tỉnh B) nên chị T lưu số tài khoản của Đỗ Thị N vào điện thoại của mình để tiện giao dịch.

Khoảng 10 giờ ngày 29/6/2021, qua chức năng chuyển tiền bằng dịch vụ Internet Banking từ điện thoại, chị T thực hiện chuyển khoản số tiền 41.949.635 đồng từ số tài khoản của mình sang số tài khoản của khách hàng để trả nợ cá nhân. Tuy nhiên, quá trình thao tác, chị T đã chuyển nhầm số tiền trên vào tài khoản số: 4802205248574 của Đỗ Thị N mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh B (Ngân hàng Agribank chi nhánh H). Cùng lúc này, Đỗ Thị N nhận được tin nhắn điện thoại từ Ngân hàng Agribank thấy có số tiền 41.949.635 đồng được chuyển vào số tài khoản 4802205248574 của mình, biết đây là tiền do người khác chuyển nhầm nhưng chưa rõ của ai nên Đỗ Thị N nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý đồ trên, qua chức năng chuyển tiền bằng dịch vụ Internet Banking từ điện thoại, trong khoảng thời gian từ 10 giờ 02 phút đến 10 giờ 35 phút cùng ngày, Đỗ Thị N chuyển toàn bộ số tiền trên từ số tài khoản 4802205248574 sang số tài khoản 001370406287237 cũng của Đỗ Thị N mở tại Ngân hàng SaiGonbank chi nhánh B - Phòng Giao dịch H nhằm tránh bị Ngân hàng Agribank phong tỏa số tiền này.

Sau khi chuyển tiền xong, chị T đã phát hiện đã chuyển nhầm số tiền trên cho Đỗ Thị N nên gọi điện cho N nhiều lần nhưng N không nghe máy. Chị T nhắn tin qua điện thoại nói rõ sự việc và xin N chuyển trả lại tiền cho mình. Đỗ Thị N đọc tin nhắn biết được người chuyển nhầm tiền cho mình là chị T nhưng vẫn không trả lời tin nhắn và cũng không chuyển trả lại tiền. Không thấy Đỗ Thị N trả lời, chị T gọi điện và nhắn tin qua số điện thoại cho chồng Đỗ Thị N là Lê Trung H nói rõ sự việc, đồng thời nhờ H bảo Đỗ Thị N chuyển trả lại tiền cho mình. Chiều tối ngày 29/6/2021, sau khi đi làm về nhà tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh B, H nói rõ sự việc cho N biết, đồng thời bảo N chuyển trả lại số tiền trên cho chị T, nhưng Đỗ Thị N không thực hiện mà nảy sinh ý định sử dụng số tiền này trả nợ cá nhân nhưng không nói cho H biết. Thực hiện ý đồ trên, từ chiều ngày 30/6/2021 đến ngày 02/7/2021, N lấy toàn bộ số tiền 41.949.635 đồng do chị T chuyển nhầm mà có đem trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau nhiều lần yêu cầu Đỗ Thị N trả lại số tiền, nhưng Đỗ Thị N vẫn không trả nên ngày 01/7/2021, chị T làm đơn tố cáo gửi Công an huyện H.

Vật chứng thu giữ: Không;

Về phần dân sự: Chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tiền, không yêu cầu Đỗ Thị N bồi thường dân sự.

Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Đỗ Thị N về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố và thống nhất với các điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã viện dẫn trong Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Đỗ Thị N phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” như nội dung Cáo trạng, đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 176, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thị N từ 03 tháng đến 06 tháng tù, nhưng nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

* Ý kiến của bị cáo: Bị cáo đồng ý với nội dung và tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố, tuy nhiên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét việc nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 29/6/2021, qua chức năng chuyển tiền bằng dịch vụ Internet Banking từ điện thoại, chị T đã chuyển nhầm số tiền 41.949.635 vào tài khoản số: 4802205248574 của bị cáo Đỗ Thị N mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh H, tỉnh B. Biết là tiền do người khác chuyển nhầm, bị cáo N nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý đồ của mình, qua chức năng chuyển tiền bằng dịch

vụ Internet Banking từ điện thoại, trong khoảng thời gian từ 10 giờ 02 phút đến 10 giờ 35 phút cùng ngày, bị cáo N chuyển toàn bộ số tiền trên từ số tài khoản 4802205248574 sang số tài khoản 001370406287237 cũng của bị cáo N được mở tại Ngân hàng SaiGonBank chi nhánh B - Phòng Giao dịch H nhằm tránh bị Ngân hàng Agribank phong tỏa số tiền này.

Sau khi phát hiện chuyển nhầm tiền cho bị cáo, chị T đã gọi điện cho bị cáo N nhiều lần nhưng bị cáo không nghe máy, chị T nhắn tin qua điện thoại nói rõ sự việc và xin bị cáo chuyển trả lại tiền cho mình nhưng bị cáo N đọc tin nhắn biết được người chuyển nhầm tiền cho mình là chị T nhưng vẫn không trả lời tin nhắn, không chuyển trả lại tiền cho chị T mà bị cáo N lấy toàn bộ số tiền 41.949.635 đồng đem trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, hành vi của bị cáo Đỗ Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Đỗ Thị N về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Đỗ Thị N nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì lòng tham, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải dành cho bị cáo mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo cũng như cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có địa chỉ nơi cư trú ổn định, rõ ràng; Có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong thời gian được tại ngoại, bị cáo không có vi phạm gì. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên khoan hồng về phần hình phạt đối với bị cáo, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục cũng đủ để bị cáo có thời gian tu dưỡng rèn luyện bản thân, cải tạo ổn định cuộc sống cũng như để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại số tiền 41.950.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự, nên Hội đồng xét xử không

xem xét. Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt, nếu có yêu cầu có thể khởi kiện ở một vụ án dân sự khác.

[7] Về vật chứng vụ án: Không.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Thị N phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 176, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thị N **06** (sáu) **tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) **năm** kể từ ngày tuyên án (06/5/2022).

Giao bị cáo Đỗ Thị N cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người bị phạt tù được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Áp dụng: Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh B;
- Những người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ;
- Chi cục THADS H;
- UBND xã S, H, B.

Nguyễn Thanh Phương